

PHỤ LỤC

**ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
ĐƠN VỊ: SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH & XÃ HỘI TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SLĐTBXH ngày /11/2024 của Sở Lao động - TB&XH tỉnh Đắc Nông)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao trong năm (bao gồm dự toán năm trước chuyển sang và điều chỉnh, bổ sung trong năm)	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1-2
	Sở Lao động - TB&XH tỉnh Đắc Nông	18.446.447.259	295.438.000	18.151.009.259
I	Chi quản lý hành chính (L340 - K341):	8.995.000.000	98.638.000	8.896.362.000
1	Văn phòng Sở Lao động - TB&XH tỉnh Đắc Nông	8.995.000.000	98.638.000	8.896.362.000
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ (L340 - K341):	7.665.000.000	53.638.000	7.611.362.000
-	Lương và chi khác theo quy định	7.665.000.000	53.638.000	7.611.362.000
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ (L340 - K341):	1.330.000.000	45.000.000	1.285.000.000
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	610.000.000	9.000.000	601.000.000
-	Che đò cho Hoa giai viên lao động; trọng tài viên lao động; Hội đồng trọng tài lao động	29.000.000	1.450.000	27.550.000
-	Hỗ trợ hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh	39.000.000	1.950.000	37.050.000
-	Hỗ trợ hoạt động của Hội đồng an toàn - vệ sinh lao động tỉnh	18.000.000	900.000	17.100.000
-	Mua sắm, sửa chữa, bảo trì hạ tầng công nghệ thông tin	450.000.000	22.500.000	427.500.000
-	Các nhiệm vụ, hoạt động liên quan đến công tác tuyên truyền phòng chống ma túy, mại dâm, tệ nạn xã hội và AIDS (kiểm tra liên ngành của đội 178; tuyên truyền, tập huấn, kiểm tra công tác phòng chống ma túy, mại dâm, tệ nạn xã hội và AIDS;...)	180.000.000	9.000.000	171.000.000

STT	Nội dung	Dự toán giao trong năm (bao gồm dự toán năm trước chuyển sang và điều chỉnh, bổ sung trong năm)	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1-2
	Kinh phí phục vụ công tác thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	4.000.000	200.000	3.800.000
II	Chi sự nghiệp đào tạo (chi thường xuyên không giao tự chủ)	109.428.680	6.950.000	102.478.680
1	Văn phòng Sở Lao động - TB&XH tỉnh Đắk Nông	109.428.680	6.950.000	102.478.680
<i>1.1</i>	<i>Loại 070-Khoản 085</i>	<i>71.000.000</i>	<i>3.550.000</i>	<i>67.450.000</i>
	Đào tạo theo định mức (L070 - K085)	71.000.000	3.550.000	67.450.000
<i>1.2</i>	<i>Loại 070-Khoản 098</i>	<i>38.428.680</i>	<i>3.400.000</i>	<i>35.028.680</i>
	Tham gia Hội giảng toàn quốc năm 2024	38.428.680	3.400.000	35.028.680
III	Chi sự nghiệp xã hội	9.238.018.579	184.650.000	9.053.368.579
<i>1</i>	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (L370-K398)</i>	<i>7.252.000.000</i>	<i>46.000.000</i>	<i>7.206.000.000</i>
1.1	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Đắk Nông	2.674.000.000	23.000.000	2.651.000.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên	2.674.000.000	23.000.000	2.651.000.000
1.2	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Nông	4.578.000.000	23.000.000	4.555.000.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên	4.578.000.000	23.000.000	4.555.000.000
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.986.018.579	138.650.000	1.847.368.579
2.1	Văn phòng Sở Lao động - TB&XH tỉnh Đắk Nông	1.986.018.579	138.650.000	1.847.368.579
<i>2.1.1</i>	<i>Loại 370-Khoản 371</i>	<i>138.788.000</i>	<i>41.850.000</i>	<i>96.938.000</i>
-	Chi phí quản lý, chăm sóc Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh Đắk Nông	138.788.000	41.850.000	96.938.000
+	Duy trì và chăm sóc cây xanh tại Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh Đắk Nông	138.788.000	41.850.000	96.938.000
<i>2.1.2</i>	<i>Loại 370-Khoản 372</i>	<i>467.456.676</i>	<i>22.500.000</i>	<i>444.956.676</i>

STT	Nội dung	Dự toán giao trong năm (bao gồm dự toán năm trước chuyển sang và điều chỉnh, bổ sung trong năm)	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1-2
-	Các nhiệm vụ liên quan đến công tác trẻ em: Tổ chức tháng hành động vì trẻ em; Thực hiện chương trình phòng, chống trẻ em lao động trái quy định của pháp luật (Kế hoạch số 439/KH-UBND); Tổ chức tết trung thu theo kế hoạch hằng năm của UBND tỉnh; Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em; Tổ chức diễn đàn trẻ em cấp tỉnh; Truyền thông chuyển đổi hành vi về bảo vệ, chăm sóc trẻ em (kế hoạch số 99/KH-UBND)	467.456.676	22.500.000	444.956.676
2.1.3	Loại 370-Khoản 398	1.379.773.903	74.300.000	1.305.473.903
-	Thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới; truyền thông về bình đẳng giới; tổ chức tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó bạo lực trên cơ sở giới	180.000.000	9.000.000	171.000.000
-	Chính sách quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	375.651.680	19.190.000	356.461.680
-	Chính sách thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo nghị quyết của HĐND tỉnh	507.400.000	29.400.000	478.000.000
-	Tổ chức Đoàn đại biểu của tỉnh Đắk Nông đi tham dự Hội nghị biểu dương của tỉnh Đắk Nông đi tham dự Hội nghị biểu dương người khuyết tật, trẻ mồ côi và người bảo trợ tiêu biểu toàn quốc lần thứ VI năm 2024	39.580.640	2.110.000	37.470.640
-	Triển khai Chương trình An toàn vệ sinh lao động tỉnh Đắk Nông	116.711.583	6.300.000	110.411.583
-	Hỗ trợ huấn luyện người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động	94.930.000	4.900.000	90.030.000

STT	Nội dung	Dự toán giao trong năm (bao gồm dự toán năm trước chuyển sang và điều chỉnh, bổ sung trong năm)	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1-2
-	Thực hiện Đề án Tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động cho người lao động và người sử dụng lao động đáp ứng yêu cầu thực thi các cam kết quốc tế về lao động giai đoạn 2023 – 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	65.500.000	3.400.000	62.100.000
IV	Sự nghiệp thể dục thể thao	104.000.000	5.200.000	98.800.000
1	Văn phòng Sở Lao động - TB&XH tỉnh Đắk Nông	104.000.000	5.200.000	98.800.000
-	Tham gia Hội thao thể dục, thể thao các cơ sở giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2024 (L220-K221)	104.000.000	5.200.000	98.800.000

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH GIÁM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH & XÃ HỘI TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SLĐTBXH ngày /11/2024 của Sở Lao động - TB&XH tỉnh Đắk Nông)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao trong năm (bao gồm dự toán năm trước chuyển sang và điều chỉnh, bổ sung trong năm)	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1-2
I	Chi quản lý hành chính (L340 - K341):	8.995.000.000	98.638.000	8.896.362.000
1	Kinh phí thực hiện tự chủ (L340 - K341):	7.665.000.000	53.638.000	7.611.362.000
-	Lương và chi khác theo quy định	7.665.000.000	53.638.000	7.611.362.000
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ (L340 - K341):	1.330.000.000	45.000.000	1.285.000.000
-	Hỗ trợ tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ	610.000.000	9.000.000	601.000.000
-	Che đò cho Hoa giải viên lao động; trọng tài viên lao động; Hội đồng trọng tài lao động	29.000.000	1.450.000	27.550.000
-	Hỗ trợ hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh	39.000.000	1.950.000	37.050.000
-	Hỗ trợ hoạt động của Hội đồng an toàn - vệ sinh lao động tỉnh	18.000.000	900.000	17.100.000
-	Mua sắm, sửa chữa, bảo trì hạ tầng công nghệ thông tin	450.000.000	22.500.000	427.500.000
-	Các nhiệm vụ, hoạt động liên quan đến công tác tuyên truyền phòng chống ma túy, mại dâm, tệ nạn xã hội và AIDS (kiểm tra liên ngành của đội 178; tuyên truyền, tập huấn, kiểm tra công tác phòng chống ma túy, mại dâm, tệ nạn xã hội và AIDS;...)	180.000.000	9.000.000	171.000.000
-	Kinh phí phục vụ công tác thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	4.000.000	200.000	3.800.000

STT	Nội dung	Dự toán giao trong năm (bao gồm dự toán năm trước chuyển sang và điều chỉnh, bổ sung trong năm)	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1-2
II	Chi sự nghiệp đào tạo (chi thường xuyên không giao tự chủ)	109.428.680	6.950.000	102.478.680
1	Loại 070-Khoản 085	71.000.000	3.550.000	67.450.000
	Đào tạo theo định mức (L070 - K085)	71.000.000	3.550.000	67.450.000
2	Loại 070-Khoản 098	38.428.680	3.400.000	35.028.680
	Tham gia Hội giảng toàn quốc năm 2024	38.428.680	3.400.000	35.028.680
III	Chi sự nghiệp xã hội	1.986.018.579	138.650.000	1.847.368.579
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.986.018.579	138.650.000	1.847.368.579
1.1	Loại 370-Khoản 371	138.788.000	41.850.000	96.938.000
-	Chi phí quản lý, chăm sóc Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh Đắk Nông	138.788.000	41.850.000	96.938.000
+	Duy trì và chăm sóc cây xanh tại Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh Đắk Nông	138.788.000	41.850.000	96.938.000
1.2	Loại 370-Khoản 372	467.456.676	22.500.000	444.956.676
-	Các nhiệm vụ liên quan đến công tác trẻ em: Tổ chức tháng hành động vì trẻ em; Thực hiện chương trình phòng, chống trẻ em lao động trái quy định của pháp luật (Kế hoạch số 439/KH-UBND); Tổ chức tết trung thu theo kế hoạch hằng năm của UBND tỉnh; Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em; Tổ chức dẫn dắt trẻ em cấp tỉnh; Truyền thông chuyển đổi hành vi về bảo vệ, chăm sóc trẻ em (kế hoạch số 99/KH-UBND)	467.456.676	22.500.000	444.956.676
1.3	Loại 370-Khoản 398	1.379.773.903	74.300.000	1.305.473.903
-	Thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới; truyền thông về bình đẳng giới; tổ chức tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó bạo lực trên cơ sở giới	180.000.000	9.000.000	171.000.000

STT	Nội dung	Dự toán giao trong năm (bao gồm dự toán năm trước chuyển sang và điều chỉnh, bổ sung trong năm)	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1-2
-	Chính sách quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	375.651.680	19.190.000	356.461.680
-	Chính sách thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo nghị quyết của HĐND tỉnh	507.400.000	29.400.000	478.000.000
-	Tổ chức Đoàn đại biểu của tỉnh Đắk Nông đi tham dự Hội nghị biểu dương của tỉnh Đắk Nông đi tham dự Hội nghị biểu dương người khuyết tật, trẻ mồ côi và người bảo trợ tiêu biểu toàn quốc lần thứ VI năm 2024	39.580.640	2.110.000	37.470.640
-	Triển khai Chương trình An toàn vệ sinh lao động tỉnh Đắk Nông	116.711.583	6.300.000	110.411.583
-	Hỗ trợ huấn luyện người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động	94.930.000	4.900.000	90.030.000
-	Thực hiện Đề án Tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động cho người lao động và người sử dụng lao động đáp ứng yêu cầu thực thi các cam kết quốc tế về lao động giai đoạn 2023 – 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	65.500.000	3.400.000	62.100.000
IV	Sự nghiệp thể dục thể thao	104.000.000	5.200.000	98.800.000
-	Tham gia Hội thao thể dục, thể thao các cơ sở giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2024 (L220-K221)	104.000.000	5.200.000	98.800.000
Tổng cộng		11.194.447.259	249.438.000	10.945.009.259

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH GIÁM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SLĐTBXH ngày /11/2024 của Sở Lao động - TB&XH
tỉnh Đắk Nông)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao trong năm (bao gồm dự toán năm trước chuyển sang và điều chỉnh, bổ sung trong năm)	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1-2
I	Chi sự nghiệp xã hội	2.674.000.000	23.000.000	2.651.000.000
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (L370-K398)	2.674.000.000	23.000.000	2.651.000.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên	2.674.000.000	23.000.000	2.651.000.000
Tổng cộng		2.674.000.000	23.000.000	2.651.000.000

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM BẢO TRỢ XÃ HỘI TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SLĐTBXH ngày /11/2024 của Sở Lao động - TB&XH
tỉnh Đắk Nông)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao trong năm (bao gồm dự toán năm trước chuyển sang và điều chỉnh, bổ sung trong năm)	Dự toán đề nghị điều chỉnh giảm	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1-2
I	Chi sự nghiệp xã hội	4.578.000.000	23.000.000	4.555.000.000
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (L370-K398)	4.578.000.000	23.000.000	4.555.000.000
-	NSNN hỗ trợ/cấp chi thường xuyên	4.578.000.000	23.000.000	4.555.000.000
Tổng cộng		4.578.000.000	23.000.000	4.555.000.000